

Số: 56/2019/QĐST-HNGĐ

Thành phố L, ngày 08 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 75/2019/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 6 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị Tòng Thị T, sinh năm 1986

Địa chỉ: bản B 1, xã Búng L, huyện Mường A, tỉnh Đ.

Bị đơn: Anh Dì Văn Y, sinh năm 1988

Địa chỉ: bản Chin Chu C, xã San T, thành phố L, tỉnh L.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 54, 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31 tháng 7 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 7 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Tòng Thị T và anh Dì Văn Y.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Tòng Thị T và anh Dì Văn Y đều thuận tình ly hôn.

- Việc nuôi con: Chị Tòng Thị T và anh Dì Văn Y có 01 con chung tên là Dì Thái Bảo, sinh ngày 30/9/2009 chị Tòng Thị T và anh Dì Văn Y thỏa thuận như sau:

Chị Tòng Thị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên là Dì Thái B cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Tòng Thị T không yêu cầu anh Dì Văn Y cấp dưỡng nuôi con chung, **anh Y nhất trí**.

Anh Dì Văn Y có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở anh Y thực hiện quyền này.

- **Về chia tài sản:** Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung chị Tòng Thị T và anh Dì Văn Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Chị Tòng Thị T và anh Dì Văn Y mỗi người phải chịu 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chị T tự nguyện nộp thay anh Y số tiền án phí mà anh Y phải nộp, **anh Y nhất trí**. Tổng cộng Chị Tòng Thị T phải nộp 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Xác nhận chị Tòng Thị T đã nộp đủ số tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho chị Tòng Thị T số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số **AA/2010/0004004 ngày 25/6/2019** tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh L.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- **UBND xã Búng L, huyện Mường A, tỉnh Đ;**
- TAND tỉnh L;
- VKSND TP L;
- Chi cục THA dân sự TP L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Tòng Thị Tuyết